TAND HUYỆN CẨM THỦY
Tỉnh Thanh Hóa

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 4/7/2019
Về việc: Yêu cầu không công nhận là vợ chồng.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY:

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Sơn

Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Hà Văn Trường

2. Bà Triệu Thị Tình

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Lan - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Cẩm Thủy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 4/7/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án: "Tranh chấp về yêu cầu không công nhận là vợ chồng " thụ lý số 55/2019/TLST- NHGĐ ngày 8 tháng 4 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXX - ST ngày 13/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn N - Sinh năm 1972

Trú tại: xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Tào Thị T - Sinh năm 1969

Nơi ĐKHKTT: xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện trú tại: Thị trấn T, huyện P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên toà có mặt anh N, vắng mặt Chị T (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 4/4/2019, bản tự khai ngày 11/4/2019 và tại phiên tòa hôm nay anh Bùi Văn N trình bày: Năm 1992 anh và chị Tào Thị T

chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống.

Sau khi cưới vợ chồng ra ở riêng, tình cảm hòa thuận, hạnh phúc chăm lo làm ăn. Đến năm 2006, thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do đặc thù công việc của anh thường xuyên phải đi làm, ít có thời gian ở nhà, do vậy Chị T hay nghi ngờ cho rằng anh N có mối quan hệ bên ngoài, dẫn đến gen tuông, đã nhiều lần anh N giải thích, thanh minh nhưng Chị T không nghe và không tin tưởng anh nữa, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hòa giải được. Mâu thuẫn ngày một trầm trọng, kéo dài. Đến năm 2007, vợ chồng quyết định sống ly thân, cũng từ đó cho đến nay vợ chồng không liên lạc, không quan tâm gì đến nhau.

Nay anh xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với Chị T, nên anh xin được ly hôn với Chị T.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/5/2019, bị đơn là chị Tào Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Nguyên tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và tiến tới chung sống như vợ chồng tại thôn Hạc Sơn, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy vào năm 1992, anh chị không làm thủ tục đăng ký kết hôn, mà chỉ tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, anh N không quan tâm chăm sóc gia đình, Chị T nghi ngờ anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Do đó, trong cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, hay xảy ra cãi nhau. Từ năn 2007 cho đến nay vợ chồng sống ly thân và không quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện tại chị đang sống tại địa chỉ: Số nhà 34/3, tổ 11, khu 9, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Chị T xét thấy không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã trầm trọng nhưng chị không đồng ý ly hôn với anh N vì chị không muốn các con không có bố.

- Về con chung: Anh N và Chị T thống nhất có 02 con chung là: cháu Bùi Văn Thư, sinh ngày 9/01/1993 và cháu Bùi Văn Trường, sinh ngày 7/01/1999. Hiện tại hai cháu đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh N, Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về áp dụng pháp luật: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14, điều 15 và khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 228, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị không công nhận anh Bùi Văn N và chị Tào Thị T là vợ chồng.

Về con chungg: Đề nghị công nhận cháu cháu Bùi Văn Th, sinh ngày 9/1/1993 và cháu Bùi Văn Tr, sinh ngày 7/01/1999 là con chung của anh N và Chị T. Hiện tại hai cháu đã thành niên.

Về tài sản: Anh N và Chị T không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Đề nghị buộc anh N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Bùi Văn N làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn chị Tào Thị T đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn Hạc Sơn, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy, Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hiện nay Chị T đang ở tại: Số nhà 34/3, tổ 11B1, Khu 9, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, chị Hà có đơn xin miễn tham giam phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp về yêu cầu không công nhận là vợ chồng, theo khoản 2, điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về hôn nhân: Anh N và Chị T chung sống với nhau năm 1992 trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu nhau và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2006 thì phát sinh mau thuẫn, nguyên nhân là do anh N nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, anh N không quan tâm chăm sóc gia đình, Chị T nghi ngờ anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Do đó, trong cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, hay xảy ra cãi nhau. Từ năn 2007 cho đến nay vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau và đã sống ly thân. Như vậy, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh và chị sống ly thân nhau thời gian đã lâu.

Hôn nhân giữa anh N và Chị T là vi phạm luật Hôn nhân và gia đình về thủ tục đăng ký kết hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 9, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận anh Bùi Văn N và chị Tào Thị T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Anh N và Chị T thống nhất có 02 con chung là: cháu Bùi Văn Th, sinh ngày 9/1/1993 và cháu Bùi Văn Tr, sinh ngày 7/01/1999. Hiện tại hai cháu đã thành niên.

[5] Về tài sản: Anh N và Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14, điều 15 và khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 228, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Bùi Văn N và chị Tào Thị T là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận anh N và Chị T có hai con chung là cháu Bùi Văn Thư, sinh ngày 9/1/1993 và cháu Bùi Văn Trường, sinh ngày 7/01/1999. Hiện tại hai cháu đã thành niên.

Về tài sản: Anh N và Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006019, ngày 5/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy.

Anh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Trọng Sơn